

Điểm chuẩn năm 2025 của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành



ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CHÍNH THỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH NĂM 2025

STT	Tên ngành đào tạo	Mã	Điểm trúng tuyển				
			Điểm thi tốt nghiệp THPT	Điểm TB học bạ	Điểm thi ĐGNL ĐHQG HCM	Điểm thi ĐGNL ĐHQG HN	Ghi chú (nếu xét PT học bạ & ĐGNL)
1	Y khoa	7720101	20.5	23	650	85	HL12 Tốt
2	Răng - Hàm - Mặt	7720501	20.5	23	600	75	HL12 Tốt
3	Y học cổ truyền	7720115	19	21	570	70	HL12 Tốt
4	Dược học	7720201	19	21	570	70	HL12 Tốt
5	Y học dự phòng	7720110	17	19	550	70	HL12 Khá
6	Điều dưỡng	7720301	17	19	550	70	HL12 Khá
7	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	17	19	550	70	HL12 Khá
8	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	17	19	550	70	HL12 Khá
9	Luật	7380101	17	18			
10	Luật Kinh tế	7380107	17	18			
11	Công nghệ giáo dục	7140103	15	18	550	70	
12	Thanh Nhạc	7210205	15	18	550	70	
13	Piano	7210208	15	18	550	70	
14	Diễn viên kịch, điện ảnh-truyền hình	7210234	15	18	550	70	
15	Biên đạo múa	7210243	15	18	550	70	
16	Thiết kế đồ họa	7210403	15	18	550	70	
17	Thiết kế thời trang	7210404	15	18	550	70	
18	Ngôn ngữ Anh	7220201	15	18	550	70	
19	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	15	18	550	70	
20	Kinh tế số	7310109	15	18	550	70	
21	Tâm lý học	7310401	15	18	550	70	
22	Đông Phương học	7310608	15	18	550	70	
23	Truyền thông đa phương tiện	7320104	15	18	550	70	
24	Quan hệ công chúng	7320108	15	18	550	70	
25	Quản trị kinh doanh	7340101	15	18	550	70	
26	Marketing	7340115	15	18	550	70	
27	Kinh doanh quốc tế	7340120	15	18	550	70	
28	Thương mại điện tử	7340122	15	18	550	70	
29	Tài chính – ngân hàng	7340201	15	18	550	70	
30	Kế toán	7340301	15	18	550	70	
31	Quản trị Nhân lực	7340404	15	18	550	70	
32	Công nghệ sinh học	7420201	15	18	550	70	
33	Khoa học y sinh	7420204	15	18	550	70	
34	Khoa học vật liệu (Vật liệu tiên tiến và Công nghệ nano)	7440122	15	18	550	70	
35	Khoa học dữ liệu	7460108	15	18	550	70	
36	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7480102	15	18	550	70	
37	Kỹ thuật phần mềm	7480103	15	18	550	70	
38	Trí tuệ nhân tạo	7480107	15	18	550	70	
39	Công nghệ thông tin	7480201	15	18	550	70	
40	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	15	18	550	70	
41	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	7510205	15	18	550	70	
42	Kỹ thuật điện, điện tử	7510301	15	18	550	70	



ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CHÍNH THỨC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH NĂM 2025

STT	Tên ngành đào tạo	Mã	Điểm trúng tuyển				
			Điểm thi tốt nghiệp THPT	Điểm TB học bạ	Điểm thi ĐGNL ĐHQG HCM	Điểm thi ĐGNL ĐHQG HN	Ghi chú (nếu xét PT học bạ & ĐGNL)
43	Công nghệ kỹ thuật Hóa học	7510401	15	18	550	70	
44	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	15	18	550	70	
45	Công nghệ Logistics	7510605_CN	15	18	550	70	
46	Kỹ thuật cơ khí	7520103	15	18	550	70	
47	Kỹ thuật Y sinh	7520212	15	18	550	70	
48	Vật lý y khoa	7520403	15	18	550	70	
49	Công nghệ thực phẩm	7540101	15	18	550	70	
50	Kiến trúc	7580101	15	18	550	70	
51	Thiết kế Nội thất	7580108	15	18	550	70	
52	Kỹ thuật xây dựng	7580201	15	18	550	70	
53	Thú y	7640101	15	18	550	70	
54	Hóa Dược	7720203	15	18	550	70	
55	Quản lý bệnh viện	7720802	15	18	550	70	
56	Du lịch	7810101	15	18	550	70	
57	Quản trị khách sạn	7810201	15	18	550	70	
58	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	15	18	550	70	
59	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	15	18	550	70	
60	Quản trị kinh doanh (Quản trị doanh nghiệp và công nghệ)	7340101_DNCN	15	18	550	70	
61	Quản trị kinh doanh (Kinh doanh sáng tạo)	7340101	15	18	550	70	
62	Quản trị kinh doanh thực phẩm	7340101	15	18	550	70	
63	Marketing (Marketing số và truyền thông xã hội)	7340115_DM	15	18	550	70	
64	Công nghệ thông tin (Công nghệ và Đổi mới sáng tạo)	7480201_CNST	15	18	550	70	
65	Công nghệ thông tin và dữ liệu Tài nguyên môi trường	7480201_DLMT	15	18	550	70	
66	Công nghệ kỹ thuật ô tô - Chuẩn quốc tế	7510205_QT	15	18	550	70	
67	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Chuẩn quốc tế	7510605_QT	15	18	550	70	
68	Quản trị khách sạn - Chuẩn quốc tế	7810201_QT	15	18	550	70	
69	Công nghệ thông tin (Kỹ thuật phần mềm)- Chuẩn quốc tế	7480201_QT	15	18	550	70	
70	Quản trị kinh doanh (Kinh doanh quốc tế) - Chuẩn quốc tế	7340101_QT	15	18	550	70	
71	Luật kinh tế - Chuẩn quốc tế	7380107_QT	17	18			
72	Kế Toán (Kế toán tài chính) - Chuẩn quốc tế	7340301_QT	15	18	550	70	
73	Thương mại điện tử - Chuẩn quốc tế	7340122_QT	15	18	550	70	